

Hoàn Lão, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số: 2008/TM-BVĐK

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các Công ty thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa khu vực Bồ Trạch đang có nhu cầu mua nước giặt dùng cho máy giặt, vắt công nghiệp. Nay thông báo đến các công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm thẩm định giá đáp ứng yêu cầu tham gia gửi hồ sơ năng lực kinh nghiệm thẩm định giá đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bồ Trạch.

- Thời gian nhận hồ sơ năng lực kinh nghiệm: Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 09 tháng 01 năm 2026.

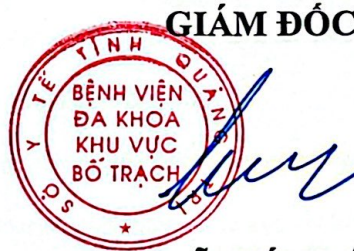
Kính mời nhà thầu quan tâm và đủ điều kiện gửi hồ sơ đáp ứng thẩm định giá đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bồ Trạch (Trong giờ hành chính). Địa chỉ: Tổ dân phố 5 - xã Hoàn Lão - tỉnh Quảng Trị.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà: Nguyễn Mai Huyền Thủy - CB. Phòng Tổ chức - Hành chính, Số điện thoại: 0919.256.832.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Tất Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời số: 2008 /TM-BVĐK ngày 31 tháng 12 năm 2025)

TT	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	WHITENER BL Chất tẩy trắng	<p>Thành phần hóa chất: Sodium Hypochlorite <12%</p> <p>Thông tin hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. • Độ hòa tan trong nước: 100% • Độ pH: 12.4+/- 0,4. • Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: 1,18 +/- 0,02. • Khả năng bay hơi : Không <p>Độ bền và phản ứng</p> <p>Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.</p> <p>Khả năng phản ứng:</p> <p>Các chất có phản ứng phân nhiệt (khí độc các chất không bảo quản chung...): Không có thông tin.</p> <p>Liều lượng sử dụng: 5-10ml/ 1 kg đồ khô</p> <p>Quy cách đóng gói : 25lít/thùng</p> <p>Xuất xứ: Prochemiindochina – Việt Nam</p>	Thùng	13
2	AVENGER L Hóa chất tăng cường	<p>Thành phần hóa chất: Chất phân tán 1 – 10% Chelating Agents 10-20% Sodium Hydroxide < 17% Nước 50 – 80%</p> <p>Thông tin hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. • Độ hòa tan trong nước: 100% • Độ pH: 13.0+/-0.5.. • Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: 1.22+/-0.02. • Khả năng bay hơi: không có thông tin. <p>Độ bền và phản ứng</p> <p>Tính ổn định: Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.</p> <p>Khả năng phản ứng:</p> <p>Sản phẩm chứa thành phần peoxide vô cơ nên khi tiếp xúc với muối kim loại, acid đậm đặc, kiềm, chất thử có thể gây ra phản ứng nhiệt.</p> <p>Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không có thông tin.</p> <p>Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc: không có thông tin.</p> <p>Liều lượng sử dụng : 2 - 20ml/kg</p> <p>Quy cách đóng gói: 25lít/thùng</p> <p>Xuất xứ: Protek Chemical & Engineering Pte Ltd - Singapore</p>	Thùng	08
3	SEARCH L Chất giặt chính	<p>Thành phần hóa chất: Sodium Hydroxide 8 – 17% Sodium Metasilicate 5 – 13% Alcohol Ethoxylates 4 – 10% Linear Alkyl Benzen Sulphonates 4 – 10% Nước 36.8 – 74%</p> <p>Thông tin hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. 	Thùng	12

INH
 ĐỆNH
 ĐA KH
 KHU V
 BỐ TR
 *

TT	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> • Độ hòa tan trong nước: 100% • Độ pH: 12.5+/-1.5 • Khối lượng riêng (kg/m³): 1.20 +/-0.02 Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện sử dụng bình thường, không phải là chất độc. Khả năng phản ứng: Phản ứng phân với nhôm, thiếc, kẽm và hợp kim của chúng Phản ứng tỏa nhiệt cao với acid mạnh. Liều lượng sử dụng: 3 – 6ml/kg Quy cách đóng gói : 25lít/thùng Xuất xứ: Protek Chemical & Engineering Pte Ltd – Singapore		
4	OZONIA L Chất tẩy trắng gốc oxygen	Thành phần hóa chất: Hydrogen Peroxide 50%C Thông tin hóa chất: <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. • Độ hòa tan trong nước: 100% • Độ pH: 11.5 +/-0.4 • Khối lượng riêng (kg/m³): 1.10 +/-0.02 Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện sử dụng bình thường. Khả năng phản ứng: - Sản phẩm là một chất oxy hóa mạnh và rất dễ phản ứng. Nguy cơ phân hủy khi tiếp xúc với nhiệt. - Khi sản phẩm tiếp xúc với các tạp chất, chất xúc tác, muối kim loại, kiềm có thể dẫn đến quá trình tự phân hủy nhiệt tăng tốc và hình thành oxy, khi tiếp xúc với dung môi hữu cơ thì xảy ra nổ. - Những chất cần tránh tiếp xúc: các tạp chất, muối kim loại, kiềm, acid clohydric, chất khử, chất dễ cháy, dung môi hữu cơ. Singapor Liều lượng sử dụng: 1-3ml/kg Quy cách đóng gói : 29lít/thùng Xuất xứ: SoLvay PeroxyThai Limied - Thailand	Thùng	07
5	SOFTI N Chất làm mềm và thơm vải	Thành phần hóa chất: Dimethyl dialkyl Ammonium Chloride methyl bis (tallow amide methyl) 2- hydroxyethyl ammonium methyl sulphate 5-15% Ethoxylate 1-10% Brighterner 0.05% Chất tạo mùi thơm 1-2% Nước 80-90% Thông tin hóa chất: <ul style="list-style-type: none"> • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. • Độ hòa tan trong nước: 100% • Độ pH: 4 - 5 • Khối lượng riêng (kg/m³): 1.0 Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường. Khả năng phản ứng: - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Không có thông tin. - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): không có thông tin.	Thùng	06

11/2024
 J.A.C.H.Y

TT	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		- Phản ứng trùng hợp: Không xảy ra. - Liều lượng sử dụng: 1-1.8ml/1kg - Quy cách đóng gói : 25lít/thùng Xuất xứ: Prochemiindochina – Việt Nam.		
6	SENTRY L Chất trung hòa	Thành phần hóa chất: Phosphoric acid 15 – 30% Hydrofluoric Acid 1 – 5% Nước 55 – 75% Thông tin hóa chất: • Trạng thái vật lý: Chất lỏng. • Độ hòa tan trong nước: Trong tất cả các tỉ lệ • Độ pH: 2.0-2.5 • Khối lượng riêng (kg/m ³): 1.12+/- 2.5 Độ bền và phản ứng Tính ổn định: Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường. Khả năng phản ứng: Phản ứng với sự tăng nhiệt độ. Tránh tiếp xúc với các chất oxy hóa, chất khử mạnh, có thể phản ứng với sunfua, phosphates, cyanua, acetic, florua, silicate và cacbua có thể tạo ra khí độc dễ cháy. Liều lượng sử dụng: : 0.4-1ml/1kg Quy cách đóng gói : 25lít/thùng Xuất xứ: Prochemiindochina – Việt Nam	Thùng	04
Tổng cộng: 06 khoản				

KING